

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 241 /PTTHII
V/v Báo cáo các nội dung thực hiện
quy chế công khai đối với
các cơ sở giáo dục đại học theo quy định
tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện yêu cầu nêu trong Công văn số 9535/BGDĐT-KHTC ngày 27/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh – Truyền hình II báo cáo một số nội dung chính về việc thực hiện *Quy chế thực hiện công khai* như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- a) *Các chuẩn đầu ra đã công bố:* chưa có quyết định công bố chuẩn đầu ra.
b) *Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp năm 2008 có việc làm:* Năm 2008 trường chưa có sinh viên cao đẳng tốt nghiệp. Khóa đào tạo cao đẳng đầu tiên của trường tuyển sinh năm 2006, vừa mới tốt nghiệp trong tháng 7/2009.
c) *Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục (nếu có):* Trường đang tiến hành tự đánh giá.

2. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- a) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tính đến ngày 31/10/2009:* Trường đã thông báo công khai Biểu mẫu 23 của Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT:

S T T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Chức danh		Trình độ đào tạo							
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Ghi chú		

	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	69	41	28	0	0	0	12	47	1	9	
I	Giảng viên	46	23	23	0	0	0	8	36	0	2	
1	Khoa khoa học cơ bản	14	5	9	0	0	0	2	12	0	0	
2	Khoa báo chí	13	9	4	0	0	0	2	11	0	0	
3	Khoa Công nghệ kỹ thuật điện tử	6	6	0	0	0	0	2	4	0	0	
4	Khoa công nghệ thông tin	8	2	6	0	0	0	2	6	0	0	
5	Trung Tâm Đào tạo nghề công nghệ cao	5	1	4	0	0	0	0	3	0	2	
II	Cán bộ quản lý và nhân viên	23	18	5	0	0	0	4	11	1	7	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	0	1	1	0	0	
3	Phòng Đào tạo	3	3	0	0	0	0	0	3	0	0	
4	Phòng Tổ chức hành chính	9	4	5	0	0	0	1	1	0	7	
5	Phòng Kế hoạch Tài chính	3	3	0	0	0	0	0	2	1	0	
6	Phòng Công tác học sinh, sinh viên và thanh tra giáo dục	5	5	0	0	0	0	2	3	0	0	

Số sinh viên /1 giảng viên (thực tế và quy đổi) chia theo ngành đào tạo được tính theo số liệu sinh viên học sinh đầu học kỳ 1 năm học 2009-2010 và số liệu giảng viên tại thời điểm 31/10/2009. Cụ thể như sau:

S T T	Ngành đào tạo	Số HSSV thực tế			Số SV quy đổi	Số GV thực tế				Số GV quy đổi	SV /GV thực tê	SVHS /GV thực tê	SV /GV quy đổi
		SV CĐ	HS TCCN	Tổng		Cơ hữu	Kiểm nhiệm	Thỉnh giảng	Tổng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Báo chí	480	133	613	546, 5	12	5	9	26	16, 68	18, 46	23, 58	32, 76
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử	107	57	164	135, 5	7	2	1	10	8, 49	10, 7	16, 4	15 ,96
3	Tin học ứng dụng	112	0	112	112	3	2	9	14	6	8	8	18, 66

Ghi chú:

(5) = (3) + (4)

(6): tính theo công văn 693/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2007, cụ thể là (6) = (3) + 0,5 (4)

(7): GV cơ hữu của mỗi ngành gồm GV cơ hữu của khoa chuyên môn tương ứng cộng thêm với GV cơ hữu của Khoa Khoa học cơ bản chịu trách nhiệm dạy các học phần Giáo dục đại cương cho khoa chuyên môn đó.

(8): Trường có 9 GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý và nhân viên, trong đó có 4 người có trình độ thạc sĩ.

(9): GV thỉnh giảng của mỗi ngành gồm GV thỉnh giảng của khoa chuyên môn tương ứng cộng thêm với GV thỉnh giảng của Khoa Khoa học cơ bản chịu trách nhiệm dạy các học phần Giáo dục đại cương cho khoa chuyên môn đó.

(10) = (7) + (8) + (9)

(11): tính theo công văn 693/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2007

(12) = (3) / (10)

(13) = (5) / (10)

(14) = (6) / (11)

Lưu ý: Trong tháng 11/2009, Trường đã tuyển dụng thêm 2 giảng viên cơ hữu cho Khoa Báo chí và 2 giảng viên cho Khoa Công nghệ thông tin. Số giảng viên này chưa được tính trong 2 bảng số liệu trên.

b) Cơ sở vật chất: Trường đã thông báo công khai Biểu mẫu 22 của Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	2,448
II	Số cơ sở đào tạo	Cơ sở	1
III	Diện tích xây dựng	m²	3.536
IV	Giảng đường/phòng học	m²	
1	Số phòng học	Phòng	30

2	Diện tích	m ²	3.440
V	Diện tích hội trường	m²	130
VI	Phòng máy tính		
1	Diện tích	m ²	176
2	Số máy tính sử dụng được	Máy tính	153
3	Số máy tính nối mạng ADSL	Máy tính	80
VII	Phòng học ngoại ngữ		Không
1	Số phòng học	phòng	
2	Diện tích	m ²	
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	Thiết bị	
VIII	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	47
2	Số đầu sách	Quyển	3.072
IX	- Phòng thí nghiệm (Đại học Bách Khoa Hà Nội cung cấp năm 2006)		
1	Diện tích	m ²	40
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất) - Plank's Constant - Thước đo quang học - Nhiệt điện - Mạch dao động tích phóng dùng đèn Neon - Xác định điện tích riêng của Tlectron - Khảo xác hiện tượng phân cực ánh sáng - Con lắc vật lý - Khảo sát dao động không ma sát - Đo tỷ số nhiệt dung của chất khí - Khảo sát sóng dừng trên dây - Khảo sát mạch cộng hưởng RLC	2006 Bộ " " " " " " " " " " " " "	 02 02 02 02 02 02 02 02 02 02 02
X	Xưởng thực tập, thực hành		
1	Diện tích	m ²	407
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất) - Bàn dựng hình Panasonic-Japan AJ-A250E-K9A1092 QT - Bàn điều khiển đèn Studio Behringer-Germany Eurolight LC2442-N0511155058 - Bàn dựng trực tiếp NEWTEK RS8-4115501011 - Cản điều khiển quay camera VN lắp ráp, chiều cao tối đa 3m8 - Cản điều khiển quay camera VN lắp ráp, chiều cao tối đa 3m8	Thiết bị 2001 2005 2007 2006 2006	 1 1 1 1 1

- Bàn trộn hình Panasonic-Japan AG-MX70E-A6TVA0006	2005	1
- Camera cầm tay, loại nhỏ Panasonic-Japan AG-E Z35-JOHY 00468	2001	1
- Camera chuyên dùng loại vác vai Panasonic-Japan AJ-D215HE-LOTKA0037	2001	2
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan MD 9000-I5 HK 00794	2005	2
- Camera kỹ thuật số chuyên dùng Sony-Japan HVR-Z1P-1312297	2005	4
- Máy ghi hình XDCAM - JAPAN PDWF330-11261	2007	1
- Camera AGDVC62 PANASONIC AGDVC62-D7TD00017 R	2007	4
- Chân Camera Libec-Japan Libec tripod W/ doll	2001	2
- Chân CAMERA LIBEC – JAPAN 724232	2007	2
- Bộ lưu trữ trung tâm CIPRICO - USA DIMEDIA 1700	2007	1
- Tấm che sáng VN lắp ráp Vải trắng chân inox	2006	2
- Tấm che sáng VN lắp ráp Vải đen chân inox	2006	2
- Đèn Studio quay phim VN lắp ráp SPOT2000W	2006	2
- Đèn Studio quay phim VN lắp ráp SPOT1000W	2006	2
- Đèn Studio quay phim VN lắp ráp BLONDER2000W	2006	2
- Đèn Studio quay phim VN lắp ráp BLONDER800W	2006	4
- Bộ Dolly VN lắp ráp Bàn đẩy & bánh hơi	2006	1
- Đường ray Dolly VN lắp ráp ray inox thẳng	2006	1
- Máy phát đĩa DVD LG DV771P 440DC31200258	2003	8
- Máy phát đĩa DVD California-VN MDVD128K-DD128791D00K	2004	1
- MiniDV HDD DVD video recorder SONY SRDMV700AG-102C0033	2007	2
- Máy ghi hình kỹ thuật số Panasonic-Japan AG-DV2700-LOHT 00021	2001	1
- Hộp chia mạng lan DELL5324-001C236BOCB4	2007	1
- Hệ thống đèn studio Taiwan	2005	1
- Tai nghe chuyên dùng AKG-EU K141S	2005	10
- Bàn trộn âm thanh MACKIE - PHÁP1202 VLZ Pro 21BU66874	2001	1
- Màn hình kiểm tra Panasonic-Japan BT-S1415DA-C1A0078JD; 14" COLOR	2001	2
- MONITOR JVC - JAPAN TMH150CG-80296436	2007	5
- Máy phát sóng VECTOR - SPAIN VECTOR3-7977701LKTF39K	2007	1
- Nguồn CAMERA SONY-JAPAN ACDN10-15074075	2007	2
- Bộ chia tín hiệu NEWTEK SX84-4115501011	2007	1

- Ổn áp LIOA VN1000W	2007	1
- Ổn áp LIOA VN2000W	2007	1
- Pin camera SONY-JAPAN BPGL95-25442	2007	4
- Phản quang VN lắp ráp khung sắt chân inox	2006	3
- Máy thu thanh + ghi âm SONY-Japan, VN ráp CFS1065S	2003	1
- Tivi LG-Korea 25", CT-25Q20RE 410KQ31200766	2003	1
- Máy phát băng VHS Panasonic-Japan NV-HV60 I3TB01143	2003	4
- Hệ thống dựng phi tuyến chuyên dùng Matrox-USA Card video RTX-100XTREME + máy vi tính: P4-3.0GHz-320GB HDD, 512 MB DDRAM, DVD RW, LCD monitor, Loa	2005	2
- Máy tính dựng HP HPxw4400-ZMA737075Q	2007	2
- Đầu đọc đĩa XDCAM SONY - JAPAN PDWF30-11499	2007	1
- Dây điện nguồn đèn chiếu VN Dây và ổ cắm 10m	2005	4
- Dây điện nguồn đèn chiếu VN Dây + bản + 8CB10m	2005	1
- Phản quang VN lắp ráp Xốp	2006	2
- Bộ đàm TD900	2007	4
- Micro JAPAN EMC678-17560	2007	2
- Micro JAPAN EMC678-17561	2007	
- Ống kính FUJINON- JAPAN XS17X5.5BRM.M38	2007	2
- Tai nghe bộ đàm EARTEK	2007	4
- Boom đèn VN	2007	1
- Chân CAMERA nhỏ LIBEC - JAPAN	2007	2
- Đèn vuông VN1000W	2007	2
- Tấm chắn sáng vải đen VN vải đen khung sắt	2007	4
- Thực hành kỹ thuật xung Việt nam	2008	10
- Thực hành kỹ thuật số Việt nam	2008	10
- Bộ mã nhóm BDC (VN) RCU 2000	2002	1
- Máy phát đĩa CD Tascam-Japan CD-450 1300227	2001	2
- Máy ghi âm chuyên dùng cho studio Tascam-Japan 112MKII ; 1X00006	2001	1
- Hệ thống loa không dây BDC (VN) JET 2000	2002	2
- Bàn trộn âm thanh MACKIE - PHÁP 1202-VLZ Pro 21BU66870	2001	1
- Máy phát FM BDC - VN T2-50	1997	1
- Máy phát hình CE TX 5/V B3060	1999	1
- Máy thu thanh + ghi âm SONY-Japan, VN ráp CFS1065S	2003	1
- Tăng âm truyền thanh EMI.co (VN) PA-600 19/05	2005	1

- Máy thu thanh chuyên dụng DENON TU-245 4054571597	2004	1
- Tivi LG-Korea14"CF14D60K ;410AD21201586	2002	3
- Đầu thu vệ tinh EchoStar SR4500	2002	1
- Bộ chia AV VIỆT NAM		1
- Hệ thống TVRO Đài Loan Anten Parabol 1.8m + chân đế LNB-KU; Đầu thu kỹ thuật số	2008	1
- Camera cầm tay JAPAN DCR-HC38E-1331360	2007	17
- Micro M88TG M88TG		2
- Micro DM909		2
- Máy chiếu đa năng Trung Quốc EP 728	2008	3
- Máy chiếu vật thể Đài Loan SPC 300	2008	2
- Bộ chia HeadPhone ProXL		1
- Bộ hiệu chỉnh âm thanh chuyên dùng TC Express USA	2006	1
- Card âm thanh chuyên dụng Delta 10/10Lt10 input / 10 output analog and digital	2004	2
- Card âm thanh chuyên dụng UA 1000-Japan8 input, giao tiếp qua cổng USB	2006	1
- Card âm thanh điều khiển/giao diện trạm Audio Tascam-Japan PCI-822-SN 1102086; 8 Chanel TDIF digital input & output	2005	1
- Máy điều chỉnh âm sắc DBX-China1231	2005	1
- Máy ghi âm kỹ thuật số sử dụng đĩa CD Tascam- Japan CD-WR750 - 0141181-ghi âm đĩa CD	2005	2
- Máy ghi âm kỹ thuật số sử dụng Hard disk Fostex-JapanD2424LD-0600811Ghi âm trên HDD	2005	1
- Máy ghi âm kỹ thuật số sử dụng Hard disk Fostex-JapanD2424LD-0600548 Ghi âm trên HDD	2005	1
- Máy ghi âm kỹ thuật số sử dụng đĩa MD Tascam-Japan MD350 - 0480552- ghi âm đĩa MD	2005	2
- Ổ đĩa cứng gắn ngoài Seagate-CHINA300GB	2006	2
- Hộp gắn ổ đĩa cứng ngoài External box Taiwan	2006	2
- Tai nghe Sennheiser Ireland HD 200	2006	4
- Loa kiểm tra phòng thu Yamaha-Japan MPX5 - MSP5A - 01117	2005	2
- Loa HUGARY HEC 45 891139	2005	2
- Loa kiểm tra phòng thu Tannoy - Japan System6-465766L	2005	2
- Micro Behringer-Đức B2 - Mic điện dung studio	2004	1
- Micro Rode - Úc K2-Mic điện dung studio	2005	2
- Micro Rode - c K2-Mic điện dung studio	2005	2
- Micro Enbao -Taiwan NM 3100-C604220595	2006	8
- Micro EM-2800A- Japan Micro shotgun	2006	3
- Micro Japan PM660	2006	1

- Bàn trộn âm thanh kỹ thuật số Behringer(Germany) - lắp ráp tại China DDX 3216- N0516264066	2005	2
- Tăng âm Behringer VX 2496 VX 2496- L0216832158	2006	1
- Tăng âm kỹ thuật số chuyên dùng DBX-USA DBX-386	2005	2
- Tăng âm kỹ thuật số chuyên dùng DBX-USA DBX-386	2005	1
- Tăng âm Neilson4400	2005	1
- Máy tạo hiệu ứng Fostex-EU DE10-359872	2005	1
- Thiết bị tạo hiệu ứng âm thanh REV 2496 REV 2496 - N0316916255	2006	1
- Máy vi tính ráp tại Vn CPU 2,4Ghz-256MB DDram-Hdd40Gb -CD, CD W/R	2006	2
- Chân giá đỡ tập nhạc	2006	2
- Chân Micro	2006	4
- Máy lạnh Fujitsu -Japan	2006	1
- Bàn chọn đường âm thanh Đài Loan4 in ; 2 out	2004	1
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan MD 9000 K3HG00594	2003	3
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan MD 9000 K4HG00665	2004	2
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan MD 9000 I5HK00772	2005	2
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan MD 9000- I5 HK 00794	2005	2
- Camera kỹ thuật số Panasonic-Japan AG-DVC 62 EN - L5TC00042	2005	2
- Máy ghi âm SONY- Japan Walkman EX152	2003	20
- Máy ghi âm kỹ thuật số JVJ- Singapore128 MB	2005	7
- Máy ghi âm kỹ thuật số MICROTRAC- USA128MB; 2562079008089	2006	5
- Máy ghi âm chuyên dùng cho phóng viên MARANT PMD222 MZO30030220001	2001	7
- Máy ghi âm chuyên dùng cho studio Tascam- Japan112MKII ; 1X00010	2001	1
- Máy ghi âm chuyên dùng cho studio Tascam- Japan112MK II ; 1200113	2001	1
- Máy ghi âm SONY- Japan Walkman TCM150	2004	15
- Máy hút bụi Panasonic-Japan MC-3920 20071103-0059	2007	1
- Máy dao động ký PINTEK , Taiwan PS-200 23010351	2003	6
- Micro SHURE MEXICO PG 58	1999	2
- Micro SHURE GERMANY E845 Shennheiser Dyn	2001	4
- Micro SHURE GERMANY E845 Shennheiser Dyn	2001	1

- Micro SHURE GERMANY E845 Shennheiser Dyn	2001	1
- Micro SHURE GERMANY E845 Shennheiser Dyn	2001	1
- Micro Panasonic-Japan RAMSA WM-L30	2001	2
- Micro không dây SHURE - USA ETV 58 S	1999	2
- Bàn trộn âm thanh MACKIE - PHÁP1202-VLZ Pro 21BU65892	2001	1
- Máy chiếu phim trong VEGA, Đài loan TTB-285 087940	2004	6
- Máy chiếu Projector Panasonic-Japan PT-LC56E; SE3520017	2003	1
- Máy chiếu Projector PENQ,Taiwan PB8140; B8144800054H	2005	2
- Máy chiếu Projector SONY- Japan VPL-ES3; 3046127645	2006	3
- Máy thu thanh + ghi âm SONY-Japan,VN ráp CFS1065S	2003	20
- Máy thu thanh + ghi âm SONY-Japan,VN ráp MegaBass 810	2003	1
- Máy quét hình China Genius HR6X-Slim	2005	1
- Máy quét hình China Genius HR8X-Slim	2005	1
- Tivi SAMSUNG CW33832 130301	1998	2
- Tivi Nec- Japan14",CT-1421MH	2003	1
- Máy vi tính ráp tại Vn P3933Mhz, Ram 128Mb, Hdd20Gb, card dựng Matrox RT1934	2001	1
- Máy tính xách tay Compaq,Hp(Singapore) V3185TU; 2CE6480W9Q	2006	4
- Máy tính xách tay IBM - USA TYPE 2684; FX-61850 03/10	2003	1
- Máy tính xách tay IBM - USA TYPE 1834; KV-G513404/10	2004	1
- Máy tính xách tay SONY - Japan VGN-S270B; 281994333005472	2005	2
- Máy hút bụi Panasonic MC3920	2007	1
- Máy lạnh Fujitsu -Japan	1998	1
- Micro Bayerdynamic		1
- Thực hành kỹ thuật Analog Việt Nam	2008	10
- Bộ thí nghiệm vi xử lý Việt Nam	2008	4
- Máy hút bụi Panasonic-Japan MC 3920 200711030047	2007	1
- Máy đếm tần số TAIWAN GSC 8270H SG851091	2008	3
- Máy dao động ký TAIWAN GOS 6031 EH820724	2008	3
- Máy phát sóng âm tần TAIWAN GRG 450B EH898965	2008	3
- Máy thu thanh + ghi âm SONY-Japan,VN ráp CFS1065S	2003	1
- Tủ âm truyền thanh EMI.co (VN) PA-60004/05	2005	1

	- Hộp nối mạng Repotec24 ports	2005	1
	- Máy vi tính dựng hình phi tuyến ráp tại Vn P4 2.4Ghz, Hdd 40Gb, Ram 512Mb, card Pro One, AGP 64MB, Monitor 15" CRT	2003	3
	- Máy vi tính dựng hình phi tuyến ráp tại Vn P3 1.2Ghz, Ram128Mb, 20Gb, Monitor 15", Card Pro-One	2002	1
	- Máy vi tính ráp tại Vn P4 3.06Ghz, Main 865/775, Ram 256Mb, Hdd 40GB, Monitor 15"CRT, Loa SoundMax	2006	6
	- Máy vi tính ráp tại Vn P3 933Mhz,Ram 128Mb, Hdd 20Gb, Monitor 15"CRT	2001	4
	- Máy vi tính ráp tại Vn P3 933Mhz,Ram 128Mb, Hdd 20Gb, Monitor 15"CRT	2001	1
	- Máy vi tính ráp tại Vn P3 1.2Ghz, Ram128Mb, 20Gb,M15"	2002	19
	- Loa kiểm tra Genelec-Na Uy CE 1029A-PM 405, Loa kèm tăng âm công suất	2001	2
	- Máy ghi âm chuyên dùng cho studio Marantz-Japan74 PMD 502-MZ 000031550105	2001	2
	- Máy phát đĩa CD Marantz-Japan74 PMD 321-MZ 020029560105	2001	2
	- Micro Shure-Japan BG 5.1	2001	3
	- Tai nghe AKG-EU K100	2001	5
	- Tăng âm SONIFEX RED BOX-Canada RBDA 6-002572	2001	1
	- Máy vi tính ráp tại Vn P3 1.2Ghz, Ram128Mb, 20Gb, M15"	2002	1
	- Bộ giao tiếp điện thoại Sonifex HY02		1
	- Đèn CUE		1
	- Đèn ON-AIR		1
	- Điện thoại bàn		1
	- Loa kiểm tra SAGA-SA1		2
	- Máy lạnh Fujitsu -Japan		2
	- Ôn áp LIOA NL2000NM		1
	- Bàn thực hành điện tử VIỆT NAM	2008	20
	- Máy dao động ký TAIWAN GOS 6031 EH820806	2008	3
	- Máy đếm tần số TAIWAN GSC 8270H SG851152	2008	3
	- Máy phát sóng âm tần TAIWAN GRG 450B EH898913	2008	3
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		Không
1	Số sinh viên ở trong ký túc xá	Sinh viên	
2	Diện tích	m²	
3	Số phòng	Phòng	
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m²/sinh viên	

XII	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m²	Không
XIII	Diện tích nhà văn hóa	m²	Không
XIII	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m²	Không
XV	Diện tích bể bơi	m²	Không
XVI	Diện tích sân vận động	m²	Không

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học (năm học 2009 – 2010); các nguồn thu khác của trường; ngân sách nhà nước cấp; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, học bổng và trợ cấp:

Tổng số thu, chi của năm học 2009-2010 (Dự toán được giao) như sau:

- *Phần thu:* tổng cộng 6.400.000.000 đồng (6,4 tỷ đồng) bao gồm:
 - Thu học phí, lệ phí: 1.900.000.000 đồng
 - Thu sự nghiệp khác: 1.400.000.000 đồng
 - Kinh phí ngân sách nhà nước cấp: 3.100.000.000 đồng
- *Phần chi:*
 - Số thu sự nghiệp được để lại đơn vị sử dụng chi thường xuyên phục vụ hoạt động đào tạo theo quy định: 3.300.000.000 đồng
 - Số chi được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán để chi thường xuyên phục vụ hoạt động đào tạo: 3.100.000.000 đồng
 - Ước thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên đào tạo chính quy theo quy định hiện hành năm học 2009-2010 : 150.000.000 đồng

b) Kết quả kiểm toán năm 2008:

- Ngày kiểm toán 24 tháng 04 năm 2009
- Kết luận và kiến nghị của kiểm toán:
 - *Kết luận:*
Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính của Trường Cao đẳng Phát thanh Truyền hình II: đơn vị đã lập, phản ánh đầy đủ tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp.

Đối với hoạt động sự nghiệp có thu hàng năm nhà trường có các nguồn thu từ học phí, lệ phí tuyển sinh và hoạt động đào tạo tại chức, liên kết đào tạo, đào tạo ngắn hạn, cho thuê máy móc thiết bị. Nhìn chung các khoản thu phát sinh đều được phản ánh theo dõi đầy đủ trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ. Đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Qua kiểm toán cho thấy, đơn vị đã có nhiều cố gắng trong quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, tài sản nhà nước do ngân sách nhà nước cấp và các khoản thu sự nghiệp, song còn sai sót và tồn tại thể hiện việc Quyết toán sai nguồn kinh phí: 12,83 triệu đồng chi phí cho giảng viên dạy lớp trung cấp báo chí tại Long An (phiếu chi số 332 ngày 18/12/2008).

Kinh phí chương trình mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường học dự toán được giao 900 triệu đồng, chi đề nghị quyết toán 900 triệu đồng, mua sắm thiết bị tin học và máy chiếu trang bị phòng học lý thuyết; nhìn chung đơn vị đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự hồ sơ mua sắm theo quy định.

Thu học phí nhà trường đã sử dụng biên lai của cơ quan thuế, mức thu học phí đúng khung quy định tại Thông tư số 54/1998/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 31/8/1998 hướng dẫn thực hiện thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; số tiền học phí đã thu, đơn vị đã gửi vào tài khoản thu học phí mở tại kho bạc.

Ngoài đào tạo chính quy nhà trường còn liên kết đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ vừa làm vừa học với Sở Nội vụ, Trường chính trị các tỉnh, thành phố; liên kết với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đào tạo ngành điện tử viễn thông (Trường được giữ lại 20% học phí, 80% học phí chuyển trả cho Trường Đại học Bách khoa Hà Nội).

Các khoản thu học phí bổ sung chi hoạt động giảng dạy, chi thu nhập tăng thêm và chi trích lập các quỹ. Nhìn chung, việc quản lý và sử dụng nguồn thu học phí, lệ phí để lại đơn vị thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Về việc miễn giảm học phí, cơ bản việc xét duyệt được thực hiện đúng trình tự, đúng đối tượng, đúng định mức.

Quản lý và sử dụng tài sản: Đơn vị đã mở sổ kế toán để theo dõi và phản ánh các loại tài sản cố định, công cụ dụng cụ; quản lý và sử dụng tài sản cố định của đơn vị nhìn chung đã thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho các nhiệm vụ giảng dạy và học tập của nhà trường.

Quản lý công nợ: nhìn chung, đơn vị theo dõi các khoản công nợ tương đối tốt, cuối năm dư tạm ứng 90,8 triệu đồng, có xác nhận công nợ với từng đối tượng.

Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước: năm 2008 đơn vị chưa tiến hành kê khai nộp thuế GTGT của hoạt động cho thuê máy, phòng học. Kiểm toán xác định thuế phải nộp 8.163.000 đồng (thu cho thuê máy móc thiết bị 81.630.000 x 10%); thuế thu nhập cá nhân đơn vị đã kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cán bộ, giáo viên và một số cán bộ ngoài trường, tuy nhiên đơn vị chưa thực hiện khấu trừ thuế 10% trên tổng thu nhập đối với các khoản chi trả cho giảng viên thỉnh giảng từ 500.000 đồng/ lần trở lên theo quy định tại điểm 3.2 Mục III Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Tổng số tiền Trường chưa thực hiện khấu trừ và nộp thuế là 5.102.800 đồng.

Về chứng từ kế toán: Cơ bản việc lập, luân chuyển và lưu trữ đầy đủ các loại chứng từ kế toán thực hiện theo chế độ quy định.

Công tác khóa sổ và lập Báo cáo quyết toán năm: Đơn vị đã lập báo cáo tài chính theo quy định của Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đánh giá tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước do NSNN cấp và các khoản thu sự nghiệp: Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, công tác quản lý các khoản thu cơ bản được quản lý chặt chẽ đúng chế độ, các khoản chi từ nguồn NSNN cấp thực hiện theo dự toán được duyệt, tuy nhiên một số khoản chi từ nguồn thu dịch vụ còn chưa hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Về cơ bản công tác quản lý, điều hành thu, chi đơn vị đã phát huy được hiệu quả sử dụng NSNN.

Đánh giá việc thực hiện chương trình hành động về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí: Nhà trường đã xây dựng chương trình hành động số 386/QĐ-PTTH II quán triệt tới toàn thể cán bộ, giáo viên của nhà trường; thành lập Ban chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Hàng quý đơn vị có báo cáo tình hình thực hiện chống lãng phí với Đài Tiếng nói Việt Nam; Nhìn chung, đơn vị đã có biện pháp tích cực trong việc quản lý sử dụng tiền, tài sản của nhà nước đáp ứng nhu cầu của đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, học tập và nhiệm vụ chính trị được giao; trong năm thực hiện tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và thực hiện trích lập các quỹ theo quy định. Tuy nhiên kinh phí thực hiện tiết kiệm được thông qua các hình thức chiếm tỷ trọng không lớn, chi thu nhập tăng thêm bằng 0,8 lần lương cấp bậc, chức vụ và trích quỹ 334,6 triệu đồng.

▪ **Kiến nghị:**

Xử lý về tài chính:

- Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước: 13.265.800 đồng,

Trong đó: + Thuế GTGT do kiểm toán xác định tăng: 8.163.000 đồng,

+ Thuế TNCN do kiểm toán xác định tăng: 5.102.800 đồng.

- Chuyển quyết toán năm sau 12.830.000 đồng do quyết toán sai nguồn chi giảng dạy lớp trung cấp Báo chí tại Long An từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Hàng năm, đơn vị phải thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế theo quy định của Luật thuế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

e) Thu nhập bình quân / 1 tháng của giảng viên; của cán bộ quản lý và của nhân viên phục vụ (năm 2008 và ước thực hiện năm 2009):

- Năm 2008:

+ Giảng viên: 4.667.000 đồng

+ Cán bộ quản lý: 3.875.000 đồng

+ Nhân viên phục vụ: 1.767.000 đồng

- Ước thực hiện năm 2009:

+ Giảng viên: 5.537.000 đồng

+ Cán bộ quản lý: 4.363.000 đồng

+ Nhân viên phục vụ: 2.700.000 đồng

4. Về hình thức và địa điểm công khai:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của trường: Trường đã công khai các nội dung vừa nêu trên trang web của trường (<http://www.rtc2.edu.vn>)

b) Tài liệu in đầy đủ tại các khoa, trung tâm và thư viện trường ở vị trí thuận tiện để mọi người tiếp cận dễ dàng: Trường mới chỉ thực hiện được một phần.

Xin trân trọng cảm ơn.

Q. HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phan Lê Lưu